TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1223**/2026/DS-ST
Ngày: 17/6/2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh

2. Ông Phạm Văn Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phước – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Kim Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 689/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1487/2026/QĐXXST-DS ngày 20/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2055/QĐST-DS ngày 19/5/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty TNHH mua bán nợ W**.

Địa chỉ: Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Ngô Phương D,** sinh năm: 2003 – Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: T, Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc N**, sinh năm: 1993 – Vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: P, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2025, các bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn Công ty TNHH mua bán nợ W có người đại diện theo ủy quyền là ông Ngô Phương Du trình bày:

Ngày 03 tháng 7 năm 2022, Công ty TNHH Mua Bán Nợ W đã ký hợp đồng mua bán nợ số 19/2022/TTCN/MAFC-W với Công ty Tài chính TNHH MTV M về khoản nợ của bà Nguyễn Thị Ngọc N.

Theo đó, vào ngày 08/05/2021 bà Nguyễn Thị Ngọc N và Công ty Tài chính TNHH MTV M đã ký Hợp đồng tín dụng số 2235120 để vay tiền với các nội dung sau: Số tiền vay: 19.517.500 đồng; Thời hạn: 12 tháng; Lãi suất: 45%/năm; Mục đích vay: Tiêu dùng sinh hoạt phục vụ đời sống. Số tiền vay được giải ngân vào ngày 10/05/2021.

Sau khi vay, bà Nguyễn Thị Ngọc N đã thanh toán được số tiền như sau: Trả gốc: 1.762.248 đồng; trả lãi: 300.752 đồng. Tổng: 2.063.000 đồng (Chi tiết được thể hiện trong bảng chiết kê tính lãi). Kể từ ngày 21/6/2021, bà Nguyễn Thị Ngọc N đã không thanh toán mặc dù Công ty W đã thực hiện nhắc nhở bằng nhiều biện pháp. Tổng dư nợ tạm tính đến ngày 13/02/2026, bà Nguyễn Thị Ngọc N cần phải thanh toán là: 62.274.883 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi hai triệu, hai trăm bảy mươi bốn nghìn, tám trăm tám mươi ba) đồng, trong đó gồm: Nợ gốc: 17.755.252 đồng; Nợ lãi: 44.519.740 đồng.

Việc không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng cam kết, kế hoạch trả nợ của bà Nguyễn Thị Ngọc N đã vi phạm các điều khoản trong hợp đồng tín dụng đã ký. Vì vậy Công ty W đã khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu đối với bị đơn như sau:

1/ Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc N có nghĩa vụ thanh toán một lần cho Công ty TNHH Mua bán nợ W toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 2235120 đã ký sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Tổng dư nợ tạm tính đến ngày 13/02/2026, bà Nguyễn Thị Ngọc N cần phải thanh toán là: 62.274.883 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi hai triệu, hai trăm bảy mươi bốn nghìn, tám trăm tám mươi ba) đồng, trong đó gồm: Nợ gốc: 17.755.252 đồng; Nợ lãi: 44.519.740 đồng.

2/ Nếu bà Nguyễn Thị Ngọc N chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ, bà Nguyễn Thị Ngọc N vẫn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hay yêu cầu của mình đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn, cũng không giao nộp cho Tòa án bất kỳ tài liệu chứng cứ nào.

Tại phiên tòa:

1. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH mua bán nợ W có đơn xin vắng mặt nhưng có bản tự khai trình bày yêu cầu như sau:

- Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc N có nghĩa vụ thanh toán một lần cho Công ty TNHH Mua bán nợ W toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 2235120 đã ký sau khi Bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Tổng dư nợ tạm tính đến ngày 17/6/2026, bà Nguyễn Thị Ngọc N cần phải thanh

toán là 64.989.247 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi bốn triệu, chín trăm tám mươi chín đồng, hai trăm bốn mươi bảy đồng), trong đó gồm: Nợ gốc: 17.755.252 đồng; Nợ lãi: 47.233.995 đồng (nợ lãi trong hạn: 40.550.238 đồng; phạt chậm trả: 6.683.757 đồng).

- Ngoài ra, kể từ ngày 18/6/2026, nếu bà Nguyễn Thị Ngọc N chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ, bà Nguyễn Thị Ngọc N vẫn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc N vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hay yêu cầu của mình đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tuân theo tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án:

Công ty TNHH mua bán nợ W khởi kiện bà Nguyễn Thị Ngọc N yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc N thanh toán khoản tiền vay nợ với mục đích tiêu dùng sinh hoạt phục vụ đời sống. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc tranh chấp dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Căn cứ vào Kết quả trả lời xác minh của Công an phường Chánh Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp: "*Đương sự Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1993 có đăng ký HKTT tại: P, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh*..." Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản sau: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập đương sự nhiều lần nhưng vẫn

vắng mặt không lý do. Điều này chứng tỏ bị đơn không có thiện chí trả nợ cho nguyên đơn. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án và yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH mua bán nợ W có cơ sở xác định: Ngày 03 tháng 7 năm 2022, Công ty TNHH Mua Bán Nợ W đã ký hợp đồng mua bán nợ số 19/2022/TTCN/MAFC-W với Công ty Tài chính TNHH MTV M. Ngày 08/5/2021, Công ty Tài chính TNHH MTV M và bà Nguyễn Thị Ngọc N đã ký Hợp đồng tín dụng số 2235120 cho bà Nguyễn Thị Ngọc N vay tiền với các nội dung sau: Số tiền vay: 19.517.500 đồng; Thời hạn: 12 tháng; Lãi suất: 45%/năm; Mục đích vay: Tiêu dùng sinh hoạt phục vụ đời sống. Số tiền vay được giải ngân vào ngày 10/05/2021. Sau khi vay, bà Nguyễn Thị Ngọc N đã thanh toán được số tiền như sau: Trả gốc: 1.762.248 đồng; trả lãi: 300.752 đồng; tổng: 2.063.000 đồng (Chi tiết được thể hiện trong bảng chiết kê tính lãi). Kể từ ngày 21/6/2021, bà Nguyễn Thị Ngọc N đã không tiếp tục thanh toán khoản vay trên mặc dù Công ty W đã thực hiện nhắc nhở bằng nhiều biện pháp.

[3.1] Về yêu cầu trả nợ tiền gốc của nguyên đơn:

- Căn cứ Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2235120 ngày 08/5/2021 ký kết giữa bà Nguyễn Thị Ngọc N và Công ty Tài chính TNHH Một Thành Viên M thì vào ngày 10/5/2021 Công ty Tài chính TNHH Một Thành Viên M đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị Ngọc N số tiền 18.500.000 (mười tám triệu, năm trăm nghìn đồng) vào tài khoản Truong Thi Ngoc Dung; Số tài khoản: 7020102983005, Ngân hàng Quân đội (MB) sau khi đã trừ tiền phí bảo hiểm là 1.017.500 đồng. Như vậy, Công ty Tài chính TNHH Một Thành Viên M đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận.

- Căn cứ vào thời hạn thanh toán và lời khai của nguyên đơn thể hiện đến thời điểm hiện nay (tạm tính đến ngày 17/6/2026) bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 17.755.252 đồng.

- Căn cứ theo quy định tại khoản 8.3 Điều 8 của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2235120 ngày 08/5/2021 đã ký kết giữa hai bên thể hiện bị đơn đã vi phạm thời hạn trả nợ cho nguyên đơn, mặc dù Công ty W đã thực hiện nhắc nhở bằng nhiều biện pháp. Do bà Nguyễn Thị Ngọc N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty W yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn nợ gốc theo quy định Hợp đồng tín dụng mà bà Nguyễn Thị Ngọc N đã ký với Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…*". Căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng*

địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc…".

Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: *"1. Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng. 2. Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; 3. Trong trường hợp khách hàng vay hoặc người bảo đảm không trả được nợ do bị phá sản, việc thu hồi nợ của tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản; 4. Tổ chức tín dụng có quyền quyết định miễn, giảm lãi suất, phí cho khách hàng theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng."*

Căn cứ vào quy định của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2235120 ngày 08/5/2021 đã ký giữa bà Nguyễn Thị Ngọc N với Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M và căn cứ vào các quy định của pháp luật có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Ngọc N đã vi phạm thỏa thuận trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 17.755.252 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn:

Căn cứ theo khoản 8.3 Điều 8 của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2235120 ngày 08/5/2021 quy định: *"Khi đến hạn thanh toán mà Khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thỏa thuận, thì ngoài việc trả lãi trên nợ gốc theo Lãi suất đã thỏa thuận thì Khách hàng còn phải chịu tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn và tiền lãi chậm trả…"*

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định*: "2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".*

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".*

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy, việc các bên thỏa thuận về lãi suất trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2235120 ngày 08/5/2021 là hoàn toàn phù hợp. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 17/6/2026 là 47.233.995 đồng (nợ lãi trong hạn: 40.550.238 đồng; phạt chậm trả: 6.683.757 đồng) là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Ngoài ra, kể từ ngày 18/6/2026, nếu bà Nguyễn Thị Ngọc N vẫn chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ thì vẫn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số

2235120 ngày 08/5/2021 đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những phân tích và nhận định trên, đồng thời xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ vào Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Mua bán nợ W đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc N có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Mua bán nợ W toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký. Tổng dư nợ tạm tính đến ngày 17/6/2026 là 64.989.247 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi bốn triệu, chín trăm tám mươi chín đồng, hai trăm bốn mươi bảy đồng), trong đó gồm: Nợ gốc: 17.755.252 đồng; Nợ lãi: 47.233.995 đồng (nợ lãi trong hạn: 40.550.238 đồng; phạt chậm trả: 6.683.757 đồng).

3. Kể từ ngày 18/6/2026, nếu bà Nguyễn Thị Ngọc N vẫn chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ thì vẫn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

4.1 Bà Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu 3.249.462 (ba triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn, bốn trăm sáu mươi hai) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4.2 Hoàn lại cho Công ty TNHH Mua bán nợ W số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 1.379.016 (một triệu, ba trăm bảy mươi chín nghìn, không trăm mười sáu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/25E/0001307 ngày 02/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp (2);
- THADS TPHCM (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).

2 000021 434202

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Huyền